TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thu Huyền

2. Ông Trần Xuân Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đồng Văn C, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHK: Thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Thôn B, xã C, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Đồng Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 10/3/2009. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn T, xã T, huyện Yên Dũng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh đã dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Sau đó chị L bỏ đi làm ăn xa và giấu địa chỉ không có anh biết, anh và chị L vẫn liên lạc với nhau nhưng chị L không cho anh biết chị L đang ở đâu và làm gì, chị L có về chơi nhưng về nhà mẹ đẻ chứ không quay lại chung sống cùng anh nữa. Anh có khuyên bảo chị L quay về đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị L nói không còn tình cảm nên không đồng ý quay lại chung sống cùng anh nữa mà đề nghị giải quyết ly hôn. Anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đồng Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay con chung đang ở với anh C, nay ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại hồ sơ, bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 10/3/2009. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có một con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhất. Do không chịu đựng được cuộc sống chung như vậy nên chị đã đi làm ăn xa và có về thăm gia đình nhưng chị về nhà mẹ đẻ chứ không quay lại chung sống cùng anh Cử nữa. Vợ chồng chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Hiện

nay chị đang làm công ty, thuê nhà trọ nên không cung cấp được địa chỉ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đồng ý ly hôn theo đề nghị của anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đồng Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay con chung đang ở với anh C, nay ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đồng Văn C và chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đồng Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung là Đồng Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh Đồng Văn C và chị Nguyễn Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Văn C và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Yên Dũng vào ngày 10/3/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhất. Anh C xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị được ly hôn chị L, chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đồng ý ly hôn theo đề nghị của anh C. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh Cử và chị Lan đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh C được ly hôn với chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh C và chị Lan có một con chung là Đồng Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay con chung Đồng Thị Thanh H đang ở với anh C. Vợ chồng ly hôn, anh C và chị L đều đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con chung Đồng Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2009. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến của anh C và chị L là giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung Đồng Thị Thanh H là phù hợp

với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh Cử không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đồng Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung Đồng Thị Thanh H, sinh ngày 21/9/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Đồng Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002833 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tân L, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Oanh